

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày: 01-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước Công;

Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo: Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1994, tại huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

Nghề nghiệp: không;

Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12;

Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ;

Tôn giáo: Đạo phật;

Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Huỳnh Minh L và bà Nguyễn Thị D;

Tiền án: không;

Tiền sự: 01 lần, ngày 31/7/2019, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiến An áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 01/11/2019.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung cha mẹ, đi học đến lớp 7 nghỉ; Ngày 25/3/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh, Giáo dục, Lao động xã hội tỉnh An Giang, thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 05/02/2015.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 25/01/2020 đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1) ông Trần Chí H, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; Vắng mặt;

2) Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1) Đỗ Bích X, sinh năm 1996;

2) Nguyễn Thị Hoài M, sinh năm 1977;

3) Phạm Thị V, sinh năm 1950;

4) Trần Hoàng G, sinh năm 1988;

5) Nguyễn Thị D, sinh năm 1969;

6) Phan Văn T, sinh năm 1974;

7) Lương Thị H, sinh năm 1968.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 29/11/2019, Huỳnh Thị Trúc L thuê Trần Hoàng G chạy xe honda chở L từ huyện T về ấp P, xã K, huyện C, gặp Nguyễn Thị H (dì của L) mượn điện thoại di động gọi cho Nguyễn Thị D (mẹ của L). Sau đó, L kêu G tiếp tục chở đi, được khoảng 10m thì L phát hiện xe mô tô biển số 67L2-161.52, nhãn hiệu HONDA loại WAVE 125I, màu trắng-đỏ của Trần Chí H và Nguyễn Thị Mỹ D ngụ cùng ấp dựng cặp lề đường, không có người trông coi, trên xe có gắn chìa khóa, L nảy sinh trộm cắp nên kêu G dừng để xuống xe. L lén lấy trộm xe mô tô của H và D chạy đến thành phố L cầm cho Lương Thị H

với số tiền 3.400.000đồng để trừ nợ do L thiếu trước đó. Sau sự việc bị mất trộm, H trình báo cơ quan Công an. Ngày 25/01/2020, L đến Công an huyện C đầu thú.

Theo Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐG ngày 05/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C: 01 xe mô tô biển số 67L2-161.52, nhãn hiệu Honda loại WAVE 125I, màu trắng – đỏ, trị giá 60.000.000đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Huỳnh Thị Trúc L về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSCM ngày 10 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị Trúc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Thị Trúc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về dân sự đề nghị buộc bị cáo bồi thường số tiền 60.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện chiếm đoạt tài sản người bị hại. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật

nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo Huỳnh Thị Trúc L đã thực hiện lén lút chiếm đoạt tài sản, theo kết quả định giá là 60.000.000đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là hoàn toàn đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng về hành vi của bị cáo nhận thấy:

[3.1] Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Để sở hữu được tài sản, người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả mới tạo lập được. Cho nên, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc là hình phạt.

[3.2] Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra, phải rèn luyện bản thân thành một công dân có ích, tích cực lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân nhưng chỉ vì hám lợi, lười lao động, muốn nhanh chóng có được tài sản mà không phải tốn công sức lao động nhiều nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương; gây tâm lí hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống, tâm lí của người dân, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã xác định được: bị cáo đã đầu thú, tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe là 60.000.000đồng; bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận và buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 60.000.000đồng.

[7] Bị cáo Huỳnh Thị Trúc L khai sau khi lấy trộm xe mô tô đem cầm cho bà Lương Thị H, quá trình điều tra bà H không thừa nhận, ngoài lời khai của bị cáo L không có chứng cứ nào khác, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[8] Trần Hoàng G là người chạy xe đồ chờ bị cáo L, sau đó L gặp Nguyễn Thị Hoài M và Nguyễn Thị D, nhưng bị cáo L không bàn bạc, không cho G, M, D biết việc lấy trộm xe nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Trúc L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Trúc L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 25/01/2020 (Ngày hai mươi lăm tháng một năm hai nghìn không trăm hai mươi).

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Trúc L có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trần Chí H và bà Nguyễn Thị Mỹ D giá trị xe là 60.000.000đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Huỳnh Thị Trúc L phải chịu 200.000đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000đồng (Bằng chữ: Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quan Điều tra;
- Nhà Tạm giữ;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thanh Hùng